

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.348.409	16.177.780	372
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	168.600	246.034	146
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	188.700	284.461	151
3	Thu bổ sung	3.991.109	14.992.129	376
	- Thu bổ sung cân đối	3.991.109	3.991.109	100
	- Thu bổ sung có mục tiêu		11.001.020	
4	Thu tiền sử dụng đất		121.715	
5	Thu chuyển nguồn		533.441	
6	Thu kết dư ngân sách			
II	TỔNG SỐ CHI	4.348.409	11.815.410	272
1	Chi đầu tư phát triển		7.396.981	
2	Chi thường xuyên	4.260.409	4.418.429	104
3	Dự phòng	88.000		

Minh Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Trần Phú Phú Hằng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		4.348.409		16.177.780		372
I	Các khoản thu 100%		168.600		246.034		146
	Phí, lệ phí		42.600		21.456		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100.000		160.000		160
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		26.000		64.578		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		188.700		284.461		151
I	Các khoản thu phân chia		188.700		251.378		133
	- Thuế TNCN		24.000		39.341		164
	- Thuế GTGT		48.000		111.242		232
	- Thu từ đất ở tại nông thôn		4.700		12.765		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		12.000		20.400		170



	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		100.000		67.630		68
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định				33.083		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				533.441		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu tiền sử dụng đất				121.715		
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.991.109		14.992.129		376
	- Thu bổ sung cân đối		3.991.109		3.991.109		100
	- Thu bổ sung có mục tiêu				11.001.020		

Minh Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

f
Trần Thị Thu Hằng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV				SO SÁNH %	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	4.348.409		4.348.409	11.815.410	7.396.981	4.418.429	272		102
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	20.719		20.719	20.710		20.710			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	20.719		20.719	19.700		19.700			
4	Chi văn hóa, thông tin	67.337		67.337	63.168		63.168	94		94
5	Chi phát thanh, truyền thanh	30.216		30.216	26.334		26.334			
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	33.669		33.669	232.950		232.950			
8	Chi các hoạt động kinh tế	53.739		53.739	3.534.327	3.494.634	39.693	6.577		74
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.745.575		3.745.575	7.659.492	3.902.347	3.757.145	204		100
10	Chi cho công tác xã hội	223.435		223.435	258.729		258.729	116		116
11	Chi khác (tiết kiệm 10% chi lương)	65.000		65.000	-					
12	Dự phòng ngân sách	88.000		88.000	-					

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thu Hằng

Minh Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



CHỦ TỊCH
NGUYỄN THỊ THANH NHÀN